

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2018/HSPT**

Ngày: 12-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2018/HSPT ngày 08/01/2018 đối với bị cáo Phan Mạnh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 129/HSST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo.

Bị cáo: Phan Mạnh H, sinh năm 1968 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 67- 69 H, phường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ Tòa án; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Phan Đình H1, sinh năm 1930 và con bà Lê Thị Bạch V, sinh năm 1938; có vợ là Nguyễn Lệ T, sinh năm 1980 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Tại bản án hình sự số 05/2014/HSPT, ngày 06 tháng 01 năm 2014 Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tiền sự: Không; hiện nay bị cáo đang chấp hành án tại trại giam A (thuộc Tổng Cục cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ Tư pháp - Bộ Công an) đóng tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Q, có mặt.

Người bị hại: Ông Nguyễn V, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện G, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Hữu H2, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Mạnh H có mối quan hệ quen biết với Lương Hữu H2 nên vào khoảng tháng 5 năm 2016, H đến nhà H2 chơi. Tại đây, H2 nói với H về việc có người cháu họ tên là Nguyễn Văn M mới tốt nghiệp Đại học Luật và có nhu cầu xin việc làm nên nhờ H xin việc cho M. H biết mình không có khả năng xin được việc làm cho M nhưng vẫn nhận lời và hứa hẹn với H2 sẽ xin được việc cho M vào làm ở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng với chi phí là 300.000.000 đồng và hẹn đến tháng 7 năm 2016 sẽ có quyết định đi làm. Sau khi nghe H nói, H2 đã tin tưởng H và nói lại sự việc trên với ông Nguyễn V (bố của M) thì ông V đồng ý rồi chuyển tiền cho Lương Hữu H2 để H2 chuyển tiền cho Phan Mạnh H, cụ thể như sau:

Ngày 26 tháng 5 năm 2016, Nguyễn Thị L (con gái ông V) đến nhà Lương Hữu H2 ở tổ dân phố 12, thị trấn E, huyện E đưa trực tiếp cho H2 50.000.000 đồng, cùng ngày H2 chuyển qua số tài khoản của Phan Mạnh H 40.000.000 đồng, H2 giữ lại 10.000.000 đồng.

Ngày 30 tháng 5 năm 2016, Nguyễn Văn M chuyển qua số tài khoản của H2 60.000.000 đồng, cùng ngày H2 chuyển qua số tài khoản của H 60.000.000 đồng.

Ngày 03 tháng 6 năm 2016, Lê Văn T (anh rể của M) chuyển qua số tài khoản của H2 75.000.000 đồng và Lê Đình C (anh rể của M) đưa trực tiếp cho H2 25.000.000 đồng, đến ngày 08 tháng 6 năm 2017 H2 chuyển qua số tài khoản của Phan Mạnh H 100.000.000 đồng.

Ngày 08 tháng 6 năm 2016, Nguyễn Thị L đưa trực tiếp cho H2 100.000.000 đồng. Sau đó, H2 đưa trực tiếp cho Phan Mạnh H tại thành phố Hồ Chí Minh 100.000.000 đồng.

Ngày 08 tháng 7 năm 2016, Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị L đưa trực tiếp cho H2 15.000.000 đồng, cùng ngày H2 chuyển qua số tài khoản của H 15.000.000 đồng.

Ngày 25 tháng 8 năm 2016, Nguyễn Thị L chuyển qua số tài khoản của H 30.000.000 đồng theo yêu cầu của Lương Hữu H2.

Như vậy, tổng số tiền mà gia đình ông Nguyễn V đưa cho Lương Hữu H2 là 325.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, H2 đã chuyển cho Phan Mạnh H 315.000.000 đồng, H2 giữ lại 10.000.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Thị L còn chuyển cho Phan Mạnh H số tiền 30.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền Phan Mạnh H không xin việc cho M như đã hứa hẹn mà sử dụng số tiền 345.000.000 đồng vào việc tiêu xài cá nhân. H không trả lại tiền cho Lương Hữu H2 để H2 trả lại cho gia đình ông V. Đến ngày 04 tháng 5 năm 2017, Gia đình ông Nguyễn V đã làm đơn trình báo sự việc.

Trong quá trình điều tra, đã xác định được. Số tiền 10.000.000 đồng mà ông Lương Hữu H2 giữ lại được ông V đồng ý để lo chi phí đi lại xin việc cho M. Ngày 27 tháng 7 năm 2017, ông Lương Hữu H2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E giao nộp lại số tiền 10.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 129/2017/HSST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Mạnh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều

46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự - Xử phạt bị cáo Phan Mạnh H 07 (Bảy) năm tù.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 07 năm tù tại bản án hình sự số 05/2014/HSPT, ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 14 (Mười bốn) năm tù, khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 11 năm 2011 đến ngày 22 tháng 6 năm 2012. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt còn lại là 13 năm 04 tháng 22 ngày (Mười ba năm bốn tháng hai mươi hai ngày) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án 06 tháng 3 năm 2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp; về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2017, người bị hại có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm tăng mức hình phạt đối với bị cáo Phan Mạnh H với lý do mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là chưa nghiêm khắc; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là không cần thiết; bị cáo phạm tội có bàn bạc với gia đình nhưng gia đình bị cáo không tố giác tội phạm. Đồng thời, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Lương Hữu H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không phù hợp, ông H2 đã có hành vi chiếm đoạt tiền của gia đình người bị hại, vì vậy ông H2 phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò là đồng phạm với bị cáo Phan Mạnh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Phan Mạnh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng phát luật. Xét mức hình phạt 07 năm tù là chưa thỏa đáng. Bị cáo có một tình tiết tăng nặng “tái phạm nguy hiểm”, chiếm đoạt tài sản có giá trị 345.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại xử phạt bị cáo Phan Mạnh H từ tám năm đến tám năm sáu tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Quan điểm của Viện kiểm sát về phần kháng cáo của người bị hại cho rằng ông H2 phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm là không có căn cứ.

Bị cáo không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị hại về tăng nặng hình phạt đối với bị cáo: Lời khai của bị cáo Phan Mạnh H tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội

“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét mức hình phạt 07 (Bảy) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bị cáo thành khẩn khai báo, đã khắc phục một phần hậu quả sau khi phạm tội; cha của bị cáo được tặng thưởng Huân chương độc lập hạng ba, Huân chương kháng chiến hạng nhất; mẹ của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng hai, Huy chương vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ; bà ngoại của bị cáo là bà mẹ Việt Nam anh hùng. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo tăng mức hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở xem xét. Đồng thời, việc người bị hại cho rằng bị cáo phạm tội có bản bạc với gia đình nhưng căn cứ vào các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án không đủ cơ sở xác định gia đình của bị cáo có biết và liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo cho rằng ông Lương Hữu H2 phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò là đồng phạm của bị cáo: Tại bút lục số 42, người bị hại thừa nhận: *“Trong tổng số tiền gia đình tôi đưa cho ông H2 là 355.000.000đồng thì ông H2 có nói với tôi là trích ra 10.000.000đồng để làm chi phí đi lại, tôi đã đồng ý theo yêu cầu của ông H2. Tuy nhiên, ông H2 sử dụng số tiền 10.000.000đồng vào việc gì tôi không biết. Việc ông H2 giữ lại 10.000.000đồng thì tôi có biết và được sự đồng ý của tôi”*. Như vậy, đối với 10.000.000 đồng mà ông H2 giữ lại được người bị hại đồng ý để lo chi phí đi lại xin việc cho M, ông H2 đã nói rõ với người bị hại và cũng không có thủ đoạn gian dối để giữ lại số tiền này. Do đó kháng cáo của người bị hại là không có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 129/HSST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo về phần hình phạt đối với bị cáo.

[2] Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phan Mạnh H 07 (Bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 07 năm tù tại bản án hình sự số 05/2014/HSPT, ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 14 (Mười bốn) năm tù, khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 11 năm 2011 đến ngày 22 tháng 6 năm 2012. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt còn lại là 13 năm 04 tháng 22

ngày (Mười ba năm bốn tháng hai mươi hai ngày) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án 06 tháng 3 năm 2017.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A HS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- VKSND huyện Ea H'leo;
- Công an huyện E;
- Chi cục T.H.A DS huyện E;
- Cơ quan T.H.A HS Công an huyện E;
- Bị cáo;
- Đương sự;
-
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

(Đã ký)

Y Thông Kbuôr